

Thông số kỹ thuật

320



Lu rung series 300 | **H239**
Lu rung trống trơn

CÁC ĐẶC ĐIỂM NỔI BẬT

- > Tầm quan sát vượt trội cho khu vực quanh thiết bị từ buồng lái
- > Khoảng vận hành với thiết kế "Ergonomic"
- > Khớp nối 3 điểm cho khả năng bám đường vượt trội và khả năng di chuyển linh hoạt trên mọi địa hình
- > Bảo trì và bảo dưỡng dễ dàng
- > Hoạt động đơn giản, ngôn ngữ biểu tượng trực quan dễ hiểu

THÔNG SỐ KỸ THUẬT 320 (H239)

Trọng lượng		
Trọng lượng vận hành với cabin	kg	20045
Trọng lượng vận hành, tối đa.	kg	22140
Tải trên trục, trước/sau	kg	12915/7130
Tải tĩnh phân bố trên trống, trước	kg/cm	58,2
Phân loại theo tiêu chuẩn Pháp		82,7/VM5
Kích thước		
Chiều dài tổng thể	mm	6272
Chiều cao tổng thể với cabin	mm	3004
Chiều cao vận chuyển, nhỏ nhất.	mm	2758
Khoảng cách 2 cầu	mm	3180
Bề rộng tổng thể với cabin	mm	2390
Khoảng sáng gầm, tâm xe	mm	439
Bán kính quay vòng, bên trong	mm	4400
Góc lái, trước/sau	°	32/25
Kích thước trống lu		
Chiều rộng trống lu, trước	mm	2220
Đường kính trống lu, trước	mm	1600
Bề dày trống lu, trước	mm	45
Loại trống lu, trước		Trống trơn
Kích thước lốp		
Cỡ lốp, sau		AW 23.1-26 12 PR
Động cơ		
Nhà sản xuất		CUMMINS
Loại		QSB6.7-C220-30
Số xylanh		6
Công suất định mức ISO 14396, kW/PS/rpm		164,0/223,0/2200
Công suất định mức SAE J1349, kW/HP/rpm		164,0/219,8/2200
Tiêu chuẩn khí thải		MEE III
Hệ thống dẫn động		
Vận tốc làm việc	km/h	0-4,5/0-6,7/0-6,9
Tốc độ di chuyển	km/h	0-14,2
Khả năng leo dốc, rung on/off	%	50/55
Hệ thống rung		
Tần số rung, trước, I/II	Hz	27/30
Biên độ rung, trước, I/II	mm	2,02/1,20
Lực li tâm, trước, I/II	kN	331/242
Hệ thống lái		
Góc chênh +/-	°	10
Kiểu lái		Kiểu khớp xoay
Dung tích thùng nhiên liệu		
Thùng nhiên liệu	L	300
Độ ồn		
Độ ồn LW(A), lý thuyết	db(A)	
Độ ồn LW(A), thực tế	db(A)	111

TRANG BỊ TIÊU CHUẨN

Bảng điều khiển với màn hình, đèn báo và công tắc, Hệ thống điều khiển tích hợp vô lăng lái có thể điều chỉnh góc nghiêng, Khoang vận hành với lối vào hai bên, Hệ thống giảm chấn cho khoang vận hành, Ghế hơi điều chỉnh theo trọng lượng người vận hành, có thể di chuyển trước sau, 02 cần điều khiển đa chức năng, Nắp bảo vệ taplo điều khiển, Hệ thống đánh lái thủy lực, Khớp nối 03 điểm, Be gạt đất có thể cân chỉnh, Mái che có thể gập, bằng nhựa được gia cố thêm bằng sợi thủy tinh.

TRANG BỊ TUÝ CHỌN

Cabin, Cabin có hệ thống sưởi và điều hoà không khí, Nắp bảo vệ taplo điều khiển, Áo chân cừu, Bộ kiểm soát chất lượng đầm nén (HCM), Cảm biến tốc độ, Cảm biến tần số rung, Hiển thị tần số rung, Hệ thống quản lý "WIFMS" (quản lý nhiều máy), Hệ thống rung tự động, Đèn làm việc, Đèn tín hiệu xoay, Bổ sung lọc nhiên liệu thô.



CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY VĨNH PHÚ

TRỤ SỞ CHÍNH
990 Xa lộ Hà Nội, Khu phố 2, P. Bình Đa, Tp. Biên Hoà, Đồng Nai
T: (0251) 383 1615 | E: vinhphu@vitrac.vn | MST: 3600437439
www.vitrac.vn | www.facebook.com/vitrac.vn

TRUNG TÂM 3S ĐÀ NẴNG
150B, Quốc Lộ 14B, Thạch Nham Đông, Hoà Nhơn, H. Hoà Vang, Đà Nẵng
T: (023) 6364 4794 | E: vinhphudanang@vitrac.vn

TRUNG TÂM 3S HÀ NỘI
Lô 1, khu công nghiệp Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, H. Mê Linh, Hà Nội
ĐT: (024) 3556 2277 | E: vinhphuhanoi@vitrac.vn

TRUNG TÂM 3S QUẢNG NINH
Km 10, P. Quang Hanh, Tp. Cẩm Phả, Quảng Ninh
ĐT: 0916 640 680 | E: vinhphuquangninh@vitrac.vn

